UNIT 1. TOWNS AND CITIES

Vocabulary: Places in a town or city – Unit 1 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus

1. THINK! What famous places are there in your town or city?

(Hãy nghĩ xem! Có những nơi nổi tiếng nào ở thị trấn hay thị phố của em?)

Hướng dẫn giải:

Famous places in my city – Ha Noi are:

(Những nơi nổi tiếng thành phố của tôi – Hà Nội là:)

- Ngoc Son temple *(đền Ngọc Sơn)*
- The Huc bridge *(cầu Thê Húc)*
- But tower *(tháp Bút)*
- Hoan Kiem lake *(hồ Hoàn Kiếm)*
- West lake *(hồ Tây)*
- Ho Chi Minh mausoleum *(lăng chủ tịch Hồ Chí Minh)*
- Old quarter *(phố Cổ)*
- Botenical Garden *(vườn Bách thảo)*
- Thu Le park *(công viên Thủ Lệ)*
- Ba Vi national park *(vườn quốc gia Ba Vì)*
- Bat Trang pottery village *(làng gốm Bát Tràng)*
- The Temple of Literature *(Quốc Tử Giám)*

...

2. Match the words in the box with places 1-14 on the map of London below. There are six extra words. Then listen and check.

(Nối các từ trong khung với các địa điểm 1 – 14 trên bản đồ của Luân Đôn bên dưới. Có 6 từ thừa. Sau đó nghe và kiểm tra.)

square	restaurant	school	office building
train station	bridge	café	theatre
sports centre	library	bus station	cinema
shop	park	shopping centre	Market
monument	hotel	flat	street

At the British (1)_____, there are fourteen million books!

Regent's (2)_____is a beautiful green area.

The Savoy is a very famous (3)_____.

Nelson's Column is a tall (4)_____ in the middle of Trafalgar (5)_____.

Harrods is a very famous (6)_____.

Victoria (7)_____ - London buses stop here.

Convent Garden - go shopping in the (8)_____s.

The IMAX (9)_____ - watch a 3D film here.

New Malden, eat interesting Korean food in the (10)_____here.

King's Cross (11)_____ - take a train here.

The West End is London's (12)_____district.

Tower (13) _____- see the River Thames from here.

The Shard _____is London's new and very tall (14)_____.

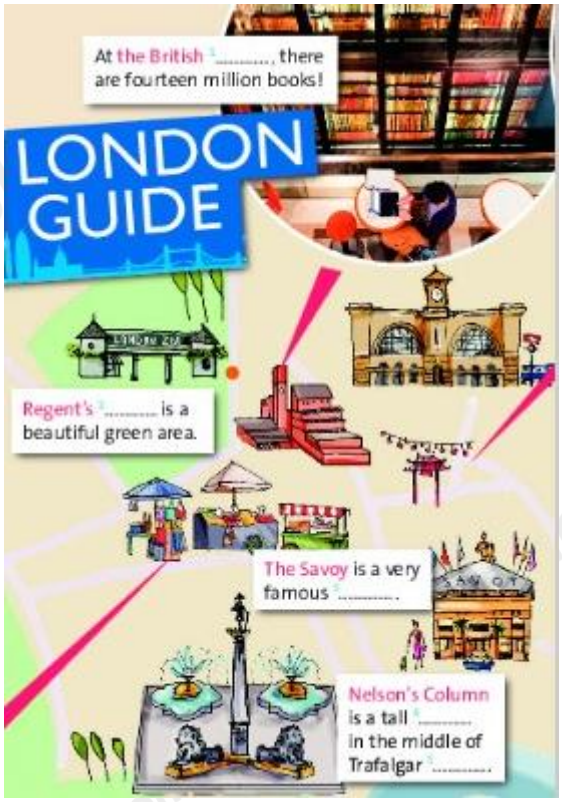

Phương pháp giải:

- square (n): quảng trường
- restaurant (n): nhà hàng
- school (n): trường học
- office building (n): tòa nhà văn phòng
- train station (n): trạm xe buýt
- bridge (n): cây cầu
- café (n): quán cà phê
- theatre (n): nhà hát
- sports centre (n): trung tâm thể thao
- library (n): thư viện
- bus station (n): trạm xe buýt
- cinema (n): rạp chiếu phim
- shop (n): cửa hàng
- park (n): công viên
- shopping centre (n): trung tâm mua sắm
- market (n): chợ
- monument (n): tượng đài
- hotel (n): khách sạn
- flat (n): căn hộ
- street (n): con đường

Hướng dẫn giải:

1. Library	2. Park	3. hotel	4. monument	5. Square
6. shop	7. bus station	8. market	9. cinema	10. restaurant
11. station	12. theatre	13. Bridge	14. office building	

(1) Library

At the British (1) **Library**, there are fourteen million books!

(Ở Thư viện Anh, có 14 triệu sách.)

(2) Park

Regent's (2) **Park** is a beautiful green area.

(Công viên Regent's là một vùng xanh sạch đẹp.)

(3) hotel

The Savoy is a very famous (3) **hotel**.

(Savoy là một khách sạn rất nổi tiếng.)

(4) monument; (5) Square

Nelson's Column is a tall (4) **monument** in the middle of Trafalgar (5) **Square**.

(Nelson's Column là một tượng đài cao ở giữa quảng trưởng Trafalgar.)

(6) shop

Harrods is a very famous (6) **shop**.

(Harrods là một cửa hàng rất nổi tiếng.)

(7) bus station

Victoria (7) **bus station** - London buses stop here.

(Trạm xe buýt Victoria – xe buýt Luân Đôn đỗ lại tại đây.)

(8) market

Convent Garden - go shopping in the (8) **markets**.

(Vườn Convent –đi mua sắm ở chợ nơi đây.)

(9) cinema

The IMAX (9) **cinema** - watch a 3D film here.

(Rạp chiếu phim IMAX – xem phim 3D tại đây.)

(10) restaurant

New Malden, eat interesting Korean food in the (10) **restaurant** here.

(New Malden, thưởng thức ẩm thực Hàn Quốc độc đáo ở nhà hàng này.)

(11) station

King's Cross (11) **station** - take a train here.

(Nhà ga King's Cross – đón tàu hỏa tại đây.)

(12) theatre

The West End is London's (12) **theatre** district.

(West End là khu nhà hát của Luân Đôn.)

(13) Bridge

Tower (13) **Bridge** - see the River Thames from here.

(Tower Bridge – ngắm sông Thames từ đây.)

(14) office building

The Shard is London's new and very tall (14) **office building**.

(Shard là tòa nhà văn phòng rất cao và mới của Luân Đôn.)

3. Watch or listen. Which places from exercise 1 do the people mention?

(Xem hoặc nghe. Những địa điểm nào ở bài tập 1 được đề cập đến?)

Hướng dẫn giải:

café, cinema, restaurant, sports centre, park, library, bridge, monument, bus station, shop

Nội dung bài nghe:

1. Simon:

Girl: Is your town a good place to live?

Simon: Yes, I think so it's great that there are lots of things to do in the evening. There are some cafes, cinemas, restaurants, things like that. It's an interesting place to live.

Girl: Have you got a favorite place in your town?

Simon: Yes, my favorite place is a French restaurant. I really like French food. There isn't a theater here but I like living in this town.

2. Louis.

Girl: Tell me about your city, do you like it here?

Louis: Yes, it's okay here. I like it. You've got a spot centenary house and it's great that there are some parks in the city, too.

3. Sophie and Ben.

Boy: What do you think of your town?

Sophie: Ah…Well, we've got a library near our house, there is an old bridge and the monument too.

Ben: Yes, it is very exciting really.

Sophie: Well, there's a cafe.

Ben: Yes, but there's one cafe and it's at the bus station.

Sophie: Yes there aren't any good shops here.

Ben: Yes, it isn't very good, to be honest.

Sophie: No, it isn't great really.

Tạm dịch bài nghe:

1. Simon:

Nữ: Thị trấn của bạn có phải là một nơi tốt để sống không?

Simon: Vâng, tôi nghĩ thật tuyệt khi có rất nhiều việc để làm vào buổi tối. Có một số quán cà phê, rạp chiếu phim, nhà hàng, đại loại thế. Đó là một nơi thú vị để sống.

Nữ: Bạn có một địa điểm yêu thích trong thị trấn của bạn không?

Simon: Vâng, địa điểm yêu thích của tôi là một nhà hàng Pháp. Tôi thực sự thích món ăn Pháp. Ở đây không có rạp hát nhưng tôi thích sống ở thị trấn này.

2. Louis.

Nữ: Hãy kể cho tôi nghe về thành phố của bạn, bạn có thích ở đây không?

Louis: Vâng, ở đây sống cũng tốt. Tôi thích nó. Ở đây có một ngôi nhà trăm năm nổi tiếng và thật tuyệt khi có một số công viên trong thành phố.

3. Sophie và Ben.

Nam: Bạn nghĩ gì về thị trấn của mình?

Sophie: Ừm… À, chúng tôi có một thư viện gần nhà, có một cây cầu cũ và đài tưởng niệm nữa.

Ben: Vâng, nó thực sự rất thú vị.

Sophie: À, có một quán cà phê.

Ben: Vâng, nhưng có một quán cà phê và nó ở trạm xe buýt.

Sophie: Vâng, không có bất kỳ cửa hàng nào tốt ở đây.

Ben: Vâng, thành thật mà nói thì không tốt lắm.

Sophie: Không, nó không thực sự tuyệt vời.

4. Watch or listen again and complete the sentences.

(Xem hoặc nghe lại và hoàn thành các câu sau.)

1. There isn't a_____ here.
2. There are some_____ in the city, too.
3. There's an old_____.
4. There's a_____.
5. There aren't any good_____here.

Hướng dẫn giải:

1. theatre	**2. parks**	**3. bridge**	**4. café**	**shops**

1. theatre

There isn't a **theatre** here.

(Ở đây không có nhà hát.)

2. parks

There are some **parks** in the city, too.

(Cũng có một vài công viên trong thành phố.)

3. bridge

There's an old **bridge**.

(Có một cây cầu cũ.)

4. café

There's a **café**.

(Có một quán cà phê.)

5. shops

There aren't any good **shops** here.

(Ở đây không có cửa hàng nào tốt cả.)

5. Work in pairs. Talk about places in your town or city. Use the Key Phrases.

(Làm việc theo cặp. Nói về những địa điểm ở thị trấn hoặc thành phố của bạn. Sử dụng những cụm từ quan trọng).

KEY PHRASES	
Talking about places There's a/ an … There are some … My favourite place is …	There isn't a/an … There aren't any …

There's a good Korean restaurant near my house.

There are some interesting monuments here.

Phương pháp giải:

CÁC CỤM TỪ QUAN TRỌNG	
Nói về các địa điểm *Có một …* *Có một vài …* *Nơi yêu thích của tôi là …*	*Không có một …* *Không có bất cứ …*

Ví dụ:

- Có một nhà hàng Hàn Quốc ngon gần nhà của tôi.

- Ở đây có một vài tượng đài độc đáo.

Hướng dẫn giải:

- There's a very big square in my neighbourhood.

(Có một quảng trường rất lớn trong khu xóm của tôi.)

- There are some cheap shops near my house.

(Có một vài cửa hàng rẻ (tiền) gần nhà tôi.)

- My favourite place is the local library.

(Nơi yêu thích của tôi là thư viện địa phương.)

- There isn't a modern office building in my town.

(Trong thị trấn của tôi không có tòa nhà văn phòng hiện đại.)

- There aren't any good restaurants near my house.

(Gần nhà tôi không có nhà hàng nào ngon cả.)

6. Finished? What are the good and bad things about your town or city? Write sentences.)

(Hoàn thành bài học? Những điểm tốt và không tốt về thị trấn hay thành phố của em là gì? Hãy viết câu về nó.)

Hướng dẫn giải:

- The good things in Ha Noi:

(Những điểm tốt ở Hà Nội là:)

+ There are many interesting places to visit. *(Có nhiều nơi thú vị để tham quan.)*

+ There are delicious traditional dishes. *(Có những món ăn truyền thống rất ngon.)*

+ There are beautiful and peaceful parks for children to play. (Có công viên đẹp và yên tĩnh cho trẻ em vui chơi.)

- The bad things in Ha Noi:

(Những điểm không tốt ở Hà Nội:)

+ There is too much traffic and pollution. *(Có quá nhiều giao thông và sự ô nhiễm.)*

+ Things are very expensive in tourism destinations. *(Hàng hóa ở các điểm du lịch rất đắt tiền.)*